|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 61 /TTr-UBND | *Kon Tum, ngày 21 tháng 4 năm 2021* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 và kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum”**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, Kỳ họp thứ 12.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông báo Kết luận số 17/TB-TTHDND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất việc bổ sung nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh vào dự thảo Nghị quyết:*“Kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh”*([[1]](#footnote-1))và đổi tên Nghị quyết thành “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 và kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh*”; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết trên. Cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1.** Căn cứ Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021- 2026 để triển khai thực hiện công tác bầu cử trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Qua kiểm tra công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Ủy ban bầu cử một số huyện, thành phố; Ủy ban bầu cử một số xã, phường, thị trấn đề nghị cấp thẩm quyền xem xét, bổ sung chế độ chi bồi dưỡng cho các cuộc họp củaỦy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Chi chế độ phục vụ kiểm tra, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cấp xã bởi các chế độ này chưa được quy định tại Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND. Để đảm bảo chế độ phụ cấp cho các đối tượng là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã khi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử trên địa bàn tỉnh, cần xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND*.*

**2.** Triển khai Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị quyết số 64/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Kỳ họp thứ 5; Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ; các văn bản của Trung ương quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020([[2]](#footnote-2)), Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các nghị quyết:

**2.1.** Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp ngân sách Nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020.

**2.2.** Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017.

**2.3.** Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 Chương II Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp ngân sách Nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020.

**2.4.** Điều 1 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các Nghị quyết và nội dung trong các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành.

**2.5.** Nghị quyết số 35/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định việc phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020;

**2.6.** Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020.

**2.7.** Nghị quyết số 83/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum thông qua Đề án tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020.

**2.8.** Nghị quyết số 87/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020;

**2.9.** Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2.10.** Nghị quyết số 44/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung và mức chi thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2.11.** Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

**1.12.** Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2.13**. Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Kon Tum từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông giai đoạn 2019-2020 và quy định một số nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác đảm bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2.14.** Nghị quyết số 38/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020.

Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV, trong đó tại khoản 5 Điều 1 quy định: *“5. Kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021. Lùi thời gian ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên sang năm 2021 để áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách mới”*. Bên cạnh đó, nhiều văn bản của Trung ương quy định việc kéo dài thực hiện các chế độ, chính sách áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 đến hết năm 2021 hoặc cho đến khi ban hành văn bản mới thay thế([[3]](#footnote-3)). Do đó, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành nêu trên để áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến hết năm 2021 hoặc cho đến khi ban hành văn bản mới để thay thế là cần thiết, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương hiện nay *(Lý do đề nghị kéo dài được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1.** Mục đích:Sửa đổi, bổ sung vàkéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách đến hết năm 2021; kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích.

**2.** Quan điểm:Đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**3.** Quy trình: Thực hiện xây dựng hồ sơ trình theo trình tự, thủ tục rút gọn được quy định tại khoản 44 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020: *“Sửa đổi, bổ sung Điều 146 như sau: Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn: 5. Trường hợp cần kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn”.*

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1.** Phạm vi điều chỉnh: Quy định việc sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết và kéo dài thời gian thực hiện 06 Nghị quyết đến hết năm 2021; kéo dài thời gian thực hiện 08 Nghị quyết đến khi có văn bản mới thay thế hoặc bãi bỏ.

**2.** Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Kon Tum; quy định về mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông và nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác đảm bảo đảm trật tự an toàn giao thông; các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các quy định trong các Chương trình mục tiêu quốc gia; các quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích.

**IV. BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Dự thảo Nghị quyết gồm có 03 Điều:

**Điều 1.** Quy định việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2016-2021.

Điều này bổ sung mức chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã vào khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND; mức chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xãvào điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND.

**Điều 2.** Kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

Trong điều này quy định cụ thể các Nghị quyết được kéo dài thời gian thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021([[4]](#footnote-4)); quy định cụ thể các Nghị quyết được kéo dài thời gian thực hiện đến khi có văn bản mới thay thế hoặc bãi bỏ([[5]](#footnote-5)).

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

Điều này quy định về trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện củaỦy ban nhân dân tỉnh; trách nhiệm giám sát của thực hiện của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; quy định về thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết và thời điểm có hiệu lực của các văn bản đề nghị kéo dài.

**V. VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định trường hợp văn bản hết hiệu lực: *“Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản”*. Căn cứ quy định trên, các nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đã hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Về nguyên tắc, việc quyết định kéo dài thời gian thực hiện phải được tiến hành trước thời điểm văn bản hết hiệu lực. Tuy nhiên, do các văn bản của Trung ương quyết định việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách, kéo dài thời gian thực hiện chuẩn nghèo, kéo dài thời gian phân bổ vốn ngân sách... được ban hành tương đối muộn. Bên cạnh đó, các Bộ, ngành Trung ương chưa hướng dẫn các địa phương rà soát, đề nghị kéo dài thời gian thực hiện các văn bản có liên quan do địa phương ban hành; các sở, ngành của địa phương còn nhiều vướng mắc trong việc tham mưu triển khai thực hiện do chưa có tiền lệ ... Vì các lý do trên, việc đề xuất kéo dài thời gian thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh không được tiến hành trước thời điểm các văn bản này hết hiệu lực.

Để các quy định trong các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, làm cơ sở thực hiện việc phân bổ ngân sách, phân bổ các nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh([[6]](#footnote-6))..., Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc thực hiện quy định trong các Nghị quyết *(được đề nghị kéo dài)* từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện các Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký ban hành([[7]](#footnote-7)).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định *(có hồ sơ dự thảo Nghị quyết kèm theo)*./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;  - Các sở: Tài chính; Tư pháp; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động, Thương binh và Xã hội; Giao thông vận tải;  - Văn phòng UBND tỉnh:  + CVP, các PCVP;  + Các phòng: KTTH, NNTN và KGVX;  - Lưu VT, NC.NTT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Đã ký**  **Lê Ngọc Tuấn** |

1. () Dự thảo Nghị quyết “*Kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh*” được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất cho phép xây dựng tại Thông báo kết luận số 10/TB-TTHĐND ngày 15 tháng 3 năm 2021. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư hạ tầng theo quy định của Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo; Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tưởng Chính phủ phê duyệt danh sách các huyện nghèo và thoát nghèo giai đoạn 2018-2020; Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020... [↑](#footnote-ref-2)
3. () Điều 2 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 quy định: “*1. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg  ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; 2. Chuẩn nghèo quy định tại Khoản 1 Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế- xã hội khác năm 2021*”; Mục 2 Công văn số 269/LĐTBXH-VPQGGN ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2021 nêu: “*Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 đối với huyện nghèo theo quy định tại Quyết định số 275/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020 cho đến khi có văn bản mới thay thế của cấp có thẩm quyền*”; Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 129/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2021 quy định: “*cho phép bố trí vốn ngân sách nhà nước năm 2021 để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, dự án đầu tư dở dang thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 cần tiếp tục triển khai trong năm 2021 cho đến khi các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được Quốc hội quyết định có hiệu lực*”... [↑](#footnote-ref-3)
4. () Gồm 06 Nghị quyết đề nghị kéo dài thời gian thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. [↑](#footnote-ref-4)
5. () Gồm 08 Nghị quyết đề nghị kéo dài thời gian thực hiện đến khi có văn bản mới thay thế hoặc bãi bỏ. [↑](#footnote-ref-5)
6. () Các nội dung này đã được tiến hành thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. [↑](#footnote-ref-6)
7. () Theo quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)* thì văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. [↑](#footnote-ref-7)